

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo quyết định số: 0 ngày 00 tháng 01 năm 1900
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải)*

Tên chương trình: **Tài chính doanh nghiệp
(Corporate Finance)**
Trình độ đào tạo: **Đại học**
Ngành đào tạo: **Tài chính - Ngân hàng**
Mã ngành: **52340201**
Loại hình đào tạo: **Chính quy**

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo Đại học Chính quy Tài chính doanh nghiệp nhằm trang bị cho người học sau khi tốt nghiệp có kiến thức khoa học cơ bản, kiến thức lý thuyết chuyên sâu, năng lực thực hành nghề nghiệp thành thạo, khả năng thích ứng với những biến đổi trong lĩnh vực Tài chính doanh nghiệp; có đạo đức nghề nghiệp, có sức khỏe đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

- Có kiến thức lý thuyết chuyên sâu trong lĩnh vực tài chính doanh nghiệp, có kiến thức thực tế để có thể giải quyết các công việc liên quan đến lĩnh vực tài chính;
- Tích lũy được kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản, các quy luật tự nhiên và xã hội trong lĩnh vực tài chính để phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn;
- Có kiến thức quản lý, điều hành, kiến thức pháp luật và bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực tài chính doanh nghiệp;
- Có trình độ lý luận chính trị, kiến thức quốc phòng - an ninh theo quy định hiện hành.

1.2.2. Kỹ năng

- Có kỹ năng hoàn thành công việc đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của tài chính doanh nghiệp trong những bối cảnh khác nhau;
- Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, tổng hợp ý kiến tập thể và sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề thực tế trong lĩnh vực tài chính;
- Có năng lực dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề quy mô địa phương và vùng miền;

- Có kỹ năng ngoại ngữ ở mức có thể hiểu được các ý chính của một báo cáo liên quan đến tài chính; có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến công việc chuyên môn;

- Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành

1.2.3. Thái độ

- Ý thức chấp hành pháp luật, chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước; biết xử lý hài hòa lợi ích cá nhân, tập thể - tổ chức và quốc gia;

- Tinh thần trách nhiệm cao, trung thực, có ý thức tổ chức kỷ luật; tuân thủ các quy định đặc thù của nghề nghiệp; Đáp ứng các yêu cầu về đạo đức cá nhân và đạo đức nghề nghiệp;

- Có ý thức trách nhiệm công dân, tác phong làm việc có kế hoạch, chủ động sáng tạo, tinh thần phối hợp và hợp tác trong công việc.

1.2.4. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, cử nhân Tài chính doanh nghiệp làm việc được ở tất cả các vị trí liên quan tới lĩnh vực tài chính trong Tổng công ty, tập đoàn, doanh nghiệp, ngân hàng, các tổ chức tín dụng, cơ quan quản lý nhà nước về tài chính; giảng viên, nghiên cứu viên trong các trường đại học, viện nghiên cứu; chuyên viên trong các tổ chức tài chính khác.

1.2.5. Trình độ ngoại ngữ

Có trình độ tiếng Anh tương đương 400 điểm TOEIC

2. Thời gian đào tạo: 4 năm

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 142 tín chỉ, hai học phần bắt buộc là Giáo dục thể chất (5 đvht) và Giáo dục Quốc phòng - An ninh (8 TC) sẽ được cấp chứng chỉ riêng.

Lượng tín chỉ phân bổ cho các khối kiến thức được trình bày trong bảng sau:

STT	KHỐI KIẾN THỨC	BẮT BUỘC	TỰ CHỌN	TỔNG
1	Khối kiến thức giáo dục đại cương	32	4	36
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	94	12	106
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	33	6	39
2.2	Kiến thức ngành	41	6	47
2.3	Thực hành, thực tập nghề nghiệp	8		8
2.4	Thực tập tốt nghiệp	4		4
2.5	Khóa luận tốt nghiệp	8		8
	Tổng cộng	126	16	142

4. Đối tượng đào tạo

Tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.

5. Điều kiện nhập học và điều kiện tốt nghiệp

* Điều kiện nhập học: Theo Quy chế tuyển sinh hiện hành.

* Điều kiện tốt nghiệp: Theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ Giáo dục - Đào tạo).

6. Thang điểm

* Thang điểm 10: được sử dụng cho các điểm thành phần của một học phần. Các bảng ghi điểm thành phần (điểm kiểm tra giữa kỳ, điểm thi cuối kỳ, điểm bài thí nghiệm ...) sử dụng thang điểm 10.

* Thang điểm 4: là thang điểm chính thức, trong đó điểm chữ (A, B+, B, C+, C, D+, D, F) được sử dụng cho điểm tổng kết học phần quy đổi từ thang điểm 10, điểm số (4-0) được sử dụng cho tính điểm trung bình học kỳ và điểm trung bình tích lũy.

Điểm tốt nghiệp là điểm trung bình chung tích lũy các học phần (trừ 02 học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh cấp chứng chỉ).

7. Nội dung chương trình

7.1. Tên và khối lượng các học phần

7.1.1. Kiến thức Giáo dục đại cương: Tổng số 36 TC

Bao gồm 32 TC các học phần bắt buộc (không kể Giáo dục thể chất 5 đvht, Giáo dục Quốc phòng - An ninh 8 TC) và 4 TC các học phần tự chọn sau:

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	SỐ TC
	* Học phần bắt buộc		32 TC
7.1.1.1	Lý luận chính trị		12 TC
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	DC1LL01	2
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	DC1LL02	3
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	DC1LL03	2
4	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	DC1LL04	3
5	Pháp luật Việt Nam đại cương	DC1LL05	2
7.1.1.2	Ngoại ngữ		8 TC
6	Tiếng Anh 1	DC1CB31	4
7	Tiếng Anh 2	DC1CB32	4
7.1.1.3	Toán, khoa học tự nhiên, tin học, công nghệ, môi trường		12 TC
8	Toán 1	DC1CB17	4
9	Toán 2	DC1CB18	2
10	Lý thuyết xác suất - thống kê	DC1CB19	3
11	Tin học đại cương	DC1TT42	3
7.1.1.4	Giáo dục thể chất (cấp chứng chỉ riêng)		5 đvht
12	GDTC 1: Thể dục tay không, thể dục dụng cụ	DC1TD01	1 đvht
13	GDTC 2: Điền kinh 1 (Nhảy xa, chạy trung bình)	DC1TD02	1 đvht
14	GDTC 3: Điền kinh 2 (Chạy cự ly ngắn, đẩy tạ)	DC1TD03	1 đvht

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	SỐ TC
15	GDTC 4: Kỹ thuật bóng chuyền	DC1TD04	1 đvht
16	GDTC 5: Kỹ thuật cầu lông	DC1TD05	1 đvht
7.1.1.5	Giáo dục Quốc phòng - An ninh (cấp chứng chỉ riêng)		8 TC
17	GDQP 1: Đường lối quân sự của Đảng	DC1QP01	3 TC
18	GDQP 2: Công tác Quốc phòng - An ninh	DC1QP02	2 TC
19	GDQP 3: Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC)	DC1QP03	3 TC
	* Học phần tự chọn		4 / 10 TC
1	Lịch sử các học thuyết kinh tế	DC1KV51	2
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	DC1CB99	2
3	Xã hội học	DC1CB83	2
4	Soạn thảo văn bản	DC1CB82	2
5	Văn hóa kinh doanh	DC2CB94	2

7.1.2. Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp: Tổng số 106 TC

7.1.2.1. Kiến thức cơ sở ngành: Tổng số 39 TC

Bao gồm 33 TC các học phần bắt buộc và 6 TC các học phần tự chọn sau:

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	SỐ TC
	* Học phần bắt buộc		33 TC
1	Kinh tế vi mô	DC2KV61	3
2	Kinh tế vĩ mô	DC2KV62	3
3	Nguyên lý thống kê kinh tế	DC2KV71	3
4	Marketing căn bản	DC2KV74	3
5	Quản trị học	DC2KV73	3
6	Nguyên lý kế toán	DC2KV68	3
7	Pháp luật kinh tế	DC2KV77	3
8	Kinh tế lượng	DC2KV63	3
9	Kế toán tài chính	DC2KV69	3
10	Tài chính - Tiền tệ	DC2TN82	3
11	Kinh tế quốc tế	DC2KV87	3
	* Học phần tự chọn		6 / 12 TC
1	Kinh tế phát triển	DC2TN63	3
2	Kinh tế đầu tư	DC2TN64	3
3	Kinh tế công cộng	DC2TN65	3
4	Kinh tế vận tải	DC2TN66	3

7.1.2.2. Kiến thức ngành: Tổng số 47 TC

Bao gồm 41 TC các học phần bắt buộc và 6 TC các học phần tự chọn sau:

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	SỐ TC
	* Học phần bắt buộc		41 TC
1	Tiếng Anh 3	DC3TN33	3
2	Thuế	DC3TN49	3
3	Tài chính doanh nghiệp 1	DC3TN31	3
4	Tài chính doanh nghiệp 2	DC3TN32	3
5	Tài chính doanh nghiệp 3	DC3TN35	4
6	Phân tích tài chính doanh nghiệp	DC3TN34	4
7	Thị trường chứng khoán	DC2KV92	2
8	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	DC3TN51	3
9	Tài chính quốc tế	DC3TN52	2
10	Định giá tài sản	DC3TN53	3
11	Bảo hiểm	DC3TN54	2
12	Kế toán quản trị doanh nghiệp	DC3TN55	3
13	Đồ án Tài chính doanh nghiệp	DC3TN56	2
14	Phân tích và đầu tư chứng khoán	DC3TN57	2
15	Quản trị danh mục đầu tư	DC3TN58	2
	* Học phần tự chọn		6 / 12 TC
1	Tin học ứng dụng	DC3TN60	2
2	Mua bán và sáp nhập doanh nghiệp	DC3TN59	2
3	Tài chính công ty đa quốc gia	DC3TN61	2
4	Các công cụ tài chính phái sinh	DC3TN62	2
5	Giao tiếp và đàm phán trong kinh doanh	DC3QT12	2
6	Kiểm toán căn bản	DC3TN36	2

7.2.2.3. Thực hành, thực tập tốt nghiệp và khóa luận tốt nghiệp (20 TC bắt buộc):

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	SỐ TC
7.1.2.3.1	Thực hành, thực tập nghề nghiệp		8 TC
1	Thực tập nghiệp vụ 1	DC4TN21	4
2	Thực tập nghiệp vụ 2	DC4TN22	4
7.1.2.3.2	Thực tập tốt nghiệp		4 TC
3	Thực tập tốt nghiệp	DC4TN70	4
7.1.2.3.3	Khóa luận tốt nghiệp		8 TC
4	Khóa luận tốt nghiệp	DC4TN80	8

7.2. Khung chương trình đào tạo

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	PHÂN BỐ THỜI GIAN			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT
				Lý thuyết, bài tập trên lớp	Thảo luận, thực hành, thí nghiệm	Thực tập, đồ án, bài tập lớn	
I	Kiến thức giáo dục đại cương		36				
	* Học phần bắt buộc		32				
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	DC1LL01	2	21	18		
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	DC1LL02	3	30	30		DC1LL01
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	DC1LL03	2	21	18		DC1LL02
4	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	DC1LL04	3	30	30		DC1LL03
5	Pháp luật Việt Nam đại cương	DC1LL05	2	30			
6	Tiếng Anh 1	DC1CB31	4	45	30		
7	Tiếng Anh 2	DC1CB32	4	45	30		DC1CB31
8	Toán 1	DC1CB17	4	60			
9	Toán 2	DC1CB18	2	30			DC1CB17
10	Lý thuyết xác suất - thống kê	DC1CB19	3	45			DC1CB18
11	Tin học đại cương	DC1TT42	3	30	30		
12	GDTC 1: Thể dục tay không, thể dục dụng cụ	DC1TD01	1 đvht	8	22		
13	GDTC 2: Điền kinh 1 (Nhảy xa, chạy trung bình)	DC1TD02	1 đvht	8	22		
14	GDTC 3: Điền kinh 2 (Chạy cự ly ngắn, đẩy tạ)	DC1TD03	1 đvht	8	22		
15	GDTC 4: Kỹ thuật bóng chuyền	DC1TD04	1 đvht	3	27		
16	GDTC 5: Kỹ thuật cầu lông	DC1TD05	1 đvht	3	27		
17	GDQP 1: Đường lối quân sự của Đảng	DC1QP01	3	45			DC1LL04
18	GDQP 2: Công tác Quốc phòng - An ninh	DC1QP02	2	30			
19	GDQP 3: Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC)	DC1QP03	3	15	60		

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	PHÂN BỐ THỜI GIAN			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT
				Lý thuyết, bài tập trên lớp	Thảo luận, thực hành, thí nghiệm	Thực tập, đồ án, bài tập lớn	
	* Học phần tự chọn		4/10				
1	Lịch sử các học thuyết kinh tế	DC1KV51	2	30			
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	DC1CB99	2	30			
3	Xã hội học	DC1CB83	2	30			
4	Soạn thảo văn bản	DC1CB82	2	30			
5	Văn hóa kinh doanh	DC2CB94	2	30			DC2KV62
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		106				
II.1	Kiến thức cơ sở ngành		39				
	* Học phần bắt buộc		33				
1	Kinh tế vi mô	DC2KV61	3	45			
2	Kinh tế vĩ mô	DC2KV62	3	45			DC2KV61
3	Nguyên lý thống kê kinh tế	DC2KV71	3	45			
4	Marketing căn bản	DC2KV74	3	45			DC2KV61
5	Quản trị học	DC2KV73	3	45			DC2KV61
6	Nguyên lý kế toán	DC2KV68	3	45			
7	Pháp luật kinh tế	DC2KV77	3	45			DC1LL05
8	Kinh tế lượng	DC2KV63	3	45			DC1CB18
9	Kế toán tài chính	DC2KV69	3	45			DC2KV68
10	Tài chính - Tiền tệ	DC2TN82	3	45			DC2KV62
11	Kinh tế quốc tế	DC2KV87	3	45			DC2KV61
	* Học phần tự chọn		6/12				
1	Kinh tế phát triển	DC2TN63	3	45			DC2KV61
2	Kinh tế đầu tư	DC2TN64	3	45			DC2KV62
3	Kinh tế công cộng	DC2TN65	3	45			DC2KV62
4	Kinh tế vận tải	DC2TN66	3	45			
II.2	Kiến thức ngành		47				
	* Học phần bắt buộc		41				
1	Tiếng Anh 3	DC3TN33	3	30	30		DC1CB32
2	Thuế	DC3TN49	3	45			DC2TN81
3	Tài chính doanh nghiệp 1	DC3TN31	3	45			DC2TN82
4	Tài chính doanh nghiệp 2	DC3TN32	3	45			DC3TN31
5	Tài chính doanh nghiệp 3	DC3TN35	4	60			
6	Phân tích tài chính doanh nghiệp	DC3TN34	4	60			DC2TN82

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	PHÂN BỐ THỜI GIAN			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT
				Lý thuyết, bài tập trên lớp	Thảo luận, thực hành, thí nghiệm	Thực tập, đồ án, bài tập lớn	
7	Thị trường chứng khoán	DC2KV92	2	30			DC2KV67
8	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	DC3TN51	3	45			DC2TN81
9	Tài chính quốc tế	DC3TN52	2	30			DC2TN82
10	Định giá tài sản	DC3TN53	3	45			DC3TN32
11	Bảo hiểm	DC3TN54	2	30			DC2TN82
12	Kế toán quản trị doanh nghiệp	DC3TN55	3	45			DC2KV69
13	Đồ án Tài chính doanh nghiệp	DC3TN56	2			90	DC3TN34
14	Phân tích và đầu tư chứng khoán	DC3TN57	2	30			DC2KV92
15	Quản trị danh mục đầu tư	DC3TN58	2	30			DC2KV92
	* Học phần tự chọn		6/12				
1	Tin học ứng dụng	DC3TN60	2	30			DC3TN32
2	Mua bán và sáp nhập doanh nghiệp	DC3TN59	2	30			DC3TN53
3	Tài chính công ty đa quốc gia	DC3TN61	2	30			DC3TN52
4	Các công cụ tài chính phái sinh	DC3TN62	2	30			DC2KV92
5	Giao tiếp và đàm phán trong kinh doanh	DC3QT12	2	30			DC2KV74
6	Kiểm toán căn bản	DC3TN36	2	30			
II.3	Thực hành, thực tập nghề nghiệp; thực tập và khóa luận tốt nghiệp		20				
1	Thực tập nghiệp vụ 1	DC4TN21	4			180	DC3TN31
2	Thực tập nghiệp vụ 2	DC4TN22	4			180	DC4TN21
3	Thực tập tốt nghiệp	DC4TN70	4			180	DC4TN22
4	Khóa luận tốt nghiệp	DC4TN80	8			480	DC4TN70
	Tổng cộng		142				

8. Kế hoạch giảng dạy dự kiến

STT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	HỌC KỲ							
			I	II	III	IV	V	VI	VII	IX
8.1	Kiến thức giáo dục đại cương	36								
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	2	2							
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	3		3						
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			2					

STT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	HỌC KỲ								
			I	II	III	IV	V	VI	VII	III	
4	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3				3					
5	Pháp luật Việt Nam đại cương	2	2								
6	Tiếng Anh 1	4	4								
7	Tiếng Anh 2	4				4					
8	Toán 1	4	4								
9	Toán 2	2		2							
10	Lý thuyết xác suất - thống kê	3		3							
11	Tin học đại cương	3		3							
12	GDTC 1: Thể dục tay không, thể dục dụng cụ	1 đvht	1								
13	GDTC 2: Điền kinh 1 (Nhảy xa, chạy trung bình)	1 đvht		1							
14	GDTC 3: Điền kinh 2 (Chạy cự ly ngắn, đẩy tạ)	1 đvht			1						
15	GDTC 4: Kỹ thuật bóng chuyền	1 đvht				1					
16	GDTC 5: Kỹ thuật cầu lông	1 đvht					1				
17	GDQP 1: Đường lối quân sự của Đảng	3				3					
18	GDQP 2: Công tác Quốc phòng - An ninh	2				2					
19	GDQP 3: Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC)	3			3						
20	Tự chọn 1	2	2								
21	Tự chọn 2	2		2							
8.2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	106									
8.2.1	Kiến thức cơ sở ngành	39									
22	Kinh tế vi mô	3	3								
23	Kinh tế vĩ mô	3		3							
24	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	3								
25	Marketing căn bản	3		3							
26	Quản trị học	3					3				
27	Nguyên lý kế toán	3			3						
28	Pháp luật kinh tế	3			3						
29	Kinh tế lượng	3				3					
30	Kế toán tài chính	3				3					
31	Tài chính - Tiền tệ	3			3						
32	Kinh tế quốc tế	3				3					
33	Tự chọn 3	3			3						
34	Tự chọn 4	3					3				
8.2.2	Kiến thức ngành	47									
35	Tiếng Anh 3	3					3				
36	Thuế	3					3				
37	Tài chính doanh nghiệp 1	3					3				

STT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	HỌC KỲ								
			I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	
38	Tài chính doanh nghiệp 2	3						3			
39	Tài chính doanh nghiệp 3	4					4				
40	Phân tích tài chính doanh nghiệp	4							4		
41	Thị trường chứng khoán	2						2			
42	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3						3			
43	Tài chính quốc tế	2						2			
44	Định giá tài sản	3						3			
45	Bảo hiểm	2					2				
46	Kế toán quản trị doanh nghiệp	3						3			
47	Đồ án Tài chính doanh nghiệp	2							2		
48	Phân tích và đầu tư chứng khoán	2							2		
49	Quản trị danh mục đầu tư	2							2		
50	Tự chọn 5	2						2			
51	Tự chọn 6	2							2		
52	Tự chọn 7	2							2		
8.2.3	Thực hành, thực tập nghề nghiệp; thực tập và khóa luận tốt nghiệp	20									
53	Thực tập nghiệp vụ 1	4							4		
54	Thực tập nghiệp vụ 2	4								4	
55	Thực tập tốt nghiệp	4								4	
56	Khóa luận tốt nghiệp	8								8	
	Tổng cộng	142	20	19	14	16	21	18	18	16	

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Chương trình đào tạo Đại học Tài chính doanh nghiệp thuộc ngành đào tạo Tài chính - Ngân hàng

- Danh mục và khối lượng các học phần đưa ra tại mục 7 gồm 2 phần:

+ Những học phần bắt buộc sinh viên phải tích lũy;

+ Những học phần tự chọn sinh viên thực hiện theo hướng dẫn của nhà trường phù hợp với ngành đào tạo để tích lũy đủ số tín chỉ quy định của chương trình;

- Mỗi học phần được liệt kê ở bảng danh mục các học phần trong chương trình đào tạo (mục 7) đều phải có đề cương chi tiết học phần (kể cả các học phần tự chọn); phòng Đào tạo phối hợp với các khoa liên quan triển khai xây dựng đề cương chi tiết học phần (theo mẫu chung của Trường) trình Hiệu trưởng ký duyệt trước khi tổ chức giảng dạy.

- Trong đề cương chi tiết học phần cần nêu rõ những nội dung trọng tâm phải kiểm tra và những sách, giáo trình, tài liệu học tập và tham khảo (nêu rõ tên tài liệu, tác giả và năm xuất bản); để sinh viên có thể tự học được, cần chỉ rõ để học chương này cần phải đọc những sách, tài liệu nào, ở đâu.

- Tổ chức giảng dạy học phần, cách đánh giá kết quả học phần thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007; Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) và hướng dẫn của Trường.

- Chương trình đào tạo thiết kế cho 8 học kỳ chính. Ngoài 8 học kỳ chính, Hiệu trưởng xem xét quyết định tổ chức thêm các học kỳ phụ vào thời gian hè để sinh viên có điều kiện học lại; học bù hoặc học vượt.

- Kế hoạch đào tạo cho các học kỳ được xây dựng trong mục 8 chỉ có tính chất định hướng (dự kiến) để sinh viên đăng ký khối lượng học tập, giảng viên cố vấn học tập cho sinh viên. Căn cứ vào khối lượng học tập sinh viên đăng ký theo từng học phần, phòng Đào tạo phối hợp với các Khoa/Bộ môn biên chế lớp học trình Hiệu trưởng phê duyệt và tổ chức thực hiện.

- Hàng kỳ, căn cứ tình hình thực tế và khối lượng của các học phần, phòng Đào tạo và các khoa cần điều chỉnh cho phù hợp.

Trong quá trình thực hiện chương trình, Khoa/Bộ môn thấy cần điều chỉnh cho phù hợp với thực tế, báo cáo lên Hội đồng Khoa học và Đào tạo trường trình Hiệu trưởng quyết định.

HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. ĐÀO VĂN ĐÔNG